NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

DẠY-HỌC CÂU CẢM THÁN TIẾNG HÀN CHO SINH VIÊN VIỆT NAM: TRƯỜNG HỢP CÓ ĐUÔI KẾT THÚC BẰNG '-군요' VÀ '-네요'

NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN*

TÓM TẮT: Trong tiếng Hàn, khi nói đến biểu hiện cảm thán không thể không nhắc đến hai khái niệm là từ cảm thán và câu cảm thán. Người Việt học tiếng Hàn có thể không mấy khó khăn trong việc hiểu và sử dụng từ cảm thán, vì trong tiếng Việt cũng có từ cảm thán. Tuy nhiên, khác với tiếng Việt, bên cạnh sử dụng các từ cảm thán, trong tiếng Hàn, các biểu hiện cảm thán trong các câu cảm thán còn được cấu tạo từ các đuôi kết thúc rất đa dạng như: -군요, -네요, -는데(요), -는걸(요), -어라. Điều này khiến cho người Việt học tiếng Hàn gặp không ít khó khăn trong việc học các câu cảm thán tiếng Hàn cũng như phân biệt cách sử dụng của các câu cảm thán đó trong quá trình giao tiếp. Thêm vào đó, có thể nói cho đến nay những nghiên cứu nhằm mục đích tìm hiểu mức độ hiểu biết về câu cảm thán tiếng Hàn với đối tượng là người Việt Nam học tiếng Hàn là không nhiều, điều đó cho thấy việc giảng dạy câu cảm thán trong giảng dạy tiếng Hàn dành cho người Việt Nam không phải là chủ đề được quan tâm đúng mức. Xuất phát từ thực tế trên, bài viết này đã khảo sát mức độ hiểu biết về câu cảm thán trong tiếng Hàn với đối tượng là người Việt Nam. Cụ thể, bài viết khảo sát mức độ hiểu biết về hai đuôi kết thúc cảm thán rất phổ biến trong tiếng Hàn đó là -군요 và -네요 của 103 sinh viên từ năm thứ hai trở lên của Khoa Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Từ đó, bài viết đưa ra một số đề xuất trong quá trình giảng dạy câu cảm thán tiếng Hàn nói chung, câu cảm thán có hai đuôi kết thúc là -군(요) và -네(요) nói riêng.

TỪ KHOÁ: câu cảm thán tiếng Hàn; đuôi kết thúc cảm thán; sinh viên Việt Nam; khảo mức độ hiểu biết; giáo dục tiếng Hàn.

NHẬN BÀI: 30/03/2023. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 13/04/2023

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp chính của con người, và một trong những chức năng của ngôn ngữ có thể nói đến chính là giúp con người bày tỏ cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, v.v của bản thân. Xuất phát từ chức năng đó, không chỉ tiếng Việt hay tiếng Hàn mà bất cứ ngôn ngữ nào cũng tồn tại kiểu câu cảm thán. Trong tiếng Việt, khi bày tỏ cảm xúc của bản thân thường thêm vào câu một số các từ cảm thán như: *"ôi, hỡi ôi, than ôi, ơ..."*. Tuy nhiên, với đặc điểm khác nhau giữa hai ngôn ngữ, đối với tiếng Hàn, khi nhắc đến biểu hiện cảm thán người ta sẽ nghĩ đến hai khái niệm gồm từ cảm thán và câu cảm thán. Người Việt học tiếng Hàn có thể không mấy khó khăn trong việc hiểu và sử dụng từ cảm thán, vì trong trong tiếng Việt cũng có từ cảm thán. Tuy nhiên, bên cạnh sử dụng các từ cảm thán, trong tiếng Hàn, các biểu hiện cảm thán trong các câu cảm thán còn được cấu tạo từ các đuôi kết thúc rất đa dạng như: -군요, -네요, -는데(요), -는걸(요), -어라,... Điều này khiến cho người Việt học tiếng Hàn gặp không ít khó khăn trong việc học các câu cảm thán tiếng Hàn cũng như phân biệt cách sử dụng của các câu cảm thán đó trong quá trình giao tiếp.

Thêm vào đó, có thể nói cho đến nay, những nghiên cứu nhằm mục đích tìm hiểu mức độ hiểu biết về câu cảm thán tiếng Hàn với đối tượng là người Việt Nam học tiếng Hàn là không nhiều, điều đó cho thấy việc giảng dạy câu cảm thán trong giảng dạy tiếng Hàn dành cho người Việt Nam không phải là chủ đề được quan tâm đúng mức. Xuất phát từ thực tế trên, bài viết này sẽ đi vào điều tra mức độ hiểu biết về câu cảm thán trong tiếng Hàn với đối tượng là người Việt Nam, cụ thể bài nghiên cứu sẽ khảo sát mức độ hiểu biết về hai đuôi kết thúc cảm thán rất phổ biến trong tiếng Hàn đó là -군요 và -네요 của 103 sinh viên từ năm thứ hai trở lên của Khoa Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN). Thông qua đó, bài viết đưa ra một số đề xuất

* *Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: hongvan2509.vnkr@gmail.com*

trong quá trình giảng dạy câu cảm thán tiếng Hàn nói chung đặc biệt hai đuôi kết thúc -군(요) và -네(요) nói riêng.

2. Cơ sở lí luận

2.1. Khái niệm về câu cảm thán tiếng Hàn

Theo các nghiên cứu trước đó, câu cảm thán trong tiếng Hàn được định nghĩa bằng các cách khác nhau. Tuy nhiên về cơ bản, có thể kể đến các định nghĩa tiêu biểu sau đây. Trong 표준국어대사전 (*Từ điển ngôn ngữ tiêu chuẩn*) định nghĩa: "*Câu cảm thán là câu mà người nói biểu hiện cảm nhận của bản thân ở trạng thái không ý thức mấy đến người nghe hoặc trong trạng thái nói một mình"*. Theo No Dae Kyu (1997, tr.11), câu cảm thán để chỉ "*các câu tường thuật lại việc người nói có cảm nhận như thế nào và sử dụng trong việc biểu hiện cảm nhận, tình cảm, thái độ mạnh mẽ của người nói"*. Các định nghĩa này đều có điểm tương đồng khi đề cập đến đặc điểm tiêu biểu của câu cảm thán đó là biểu hiện cảm nhận hay cảm xúc của người nói. Trong phạm vi bài nghiên cứu này, khái niệm câu cảm thán dự trên cơ sở khái niệm của "표준국어대사전 (*Từ điển ngôn ngữ tiêu chuẩn*)" đã được đề cập trước đó.

2.2. Cách hình thành câu cảm thán tiếng Hàn

Trong tiếng Hàn, theo Mi-ji Yi (2014), bên cạnh các từ cảm thán, câu cảm thán còn được hình thành bởi các yếu tố ngữ pháp bao gồm đuôi kết thúc (감탄형 종결어미) như: -군(요), -구나, -네(요), -는데(요), -는걸…; thành phần bổ trợ (감탄보문) như: 어찌나 -는지, 얼마나 -는지…; ngữ điệu cảm thán và đuôi kết thúc ở hình thức trần thuật, nghi vấn (감탄어조 + 서술형, 의문형 종결어미) như: -다, -어, 얼마나 -을까, 얼마나 -는가,…

Có thể nhận thấy, ngoài các yếu tố ngữ pháp khác, câu cảm thán trong tiếng Hàn được hình thành đa dạng bởi các đuôi kết thúc nói trên. Tuy nhiên, phạm vi của bài nghiên cứu này chỉ tập trung vào tìm hiểu hai đuôi kết thúc tiêu biểu của câu cảm thán đó là: -군(요) và -네(요). Đồng thời, chúng tôi khảo sát mức độ hiểu biết về câu cảm thán tiếng Hàn thông qua hai đuôi kết thúc nói trên để làm cơ sở đề xuất một số phương án trong giảng dạy chủ điểm ngữ pháp này.

2.3. Phân biệt cách sử dụng đuôi kết thúc -군(요) và -네(요)

Theo Nam Ki Sim. Go Yung Geun (1985), hai đuôi kết thúc -군(요) và -네(요) được định nghĩa như sau:

-군(요): Vĩ tố thể hiện sự cảm thán về một sự kiện nào đó mới biết, hoặc xác nhận và nhận thức mới về một sự thật nào đó vốn đã tồn tại.

-네(요): Vĩ tố thể hiện sự cảm thán về một sự việc nào đó mà người nói mới được biết.

Theo định nghĩa trên, có thể thấy đuôi kết thúc -군(요) và -네(요) có những điểm tương đồng về mặt ý nghĩa: cả hai đuôi kết thúc này đều dùng để biểu hiện sự cảm thán về một sự việc nào đó mà người nói mới được biết. Vì thế, chúng có thể sử dụng thay thế cho nhau trong một số trường hợp. Ví dụ:

(1) a. 오늘 날씨가 **춥군요**. *(Hôm nay thời tiết đẹp quá.)*

b. 오늘 날씨가 **춥네요**. *(Hôm nay thời tiết thật đẹp.)*

Ở ví dụ (1), khi cảm thán về nội dung "thời tiết ngày hôm nay đẹp", người nói có thể sử dụng cả hai câu (1a) hoặc (1b) để cảm thán về nội dung này chính bởi sự tương đồng trong chức năng cảm thán của hai đuôi kết thúc 군(요)' và '-네(요)'.

Bên cạnh sự giống nhau, chúng có những điểm khác biệt trong cách sử dụng. Sự khác biệt này được thể hiện ở một số tiêu chí cụ thể như: kinh nghiệm trực tiếp chứng kiến, khả năng biểu hiện thông tin suy luận, tính cách thức, mức độ của ý đồ truyền đạt.

2.3.1. Sự khác biệt liên quan đến kinh nghiệm trực tiếp chứng kiến của người nói

Đã có một số nghiên cứu đề cập đến sự khác biệt này. Chẳng hạn, Park Jae Yeon (1998), Park Naree (2004), Lim Chae Hun (2008), Chung Kyung-Sook (2012), Mi-ji Yi (2014) đưa ra các tên gọi khác nhau: 목격 (sự chứng kiến), 직접적 지각한 사실 (sự thật được tri giác một cách trực tiếp), 감각적 증거 (căn cứ về mặt cảm nhận), 증거성 (tính căn cứ), 경험의 직접성 (tính trực tiếp của trải

nghiệm)… Mặc dù tên gọi khác nhau, nhưng các tác giả đều thống nhất cho rằng, -군(요) có thể dùng trong các trường hợp người nói nghe được nội dung từ một người khác và cảm thán về điều đó hoặc nội dung đó được người nói trực tiếp trải nghiệm và nhận ra, còn -네(요) chỉ được dùng trong những trường hợp người nói cần trực tiếp trải nghiệm mới có thể cảm thán về sự việc đó. Ví dụ:

(2) Tình huống người nói nghe được thông tin "Hiền nói tiếng Hàn giỏi"

a. 히엔 씨가 한국말을 **잘하군요**. *(Hiền nói tiếng Hàn giỏi quá.)*

b. 히엔 씨가 한국말을 **잘하네요**. * *(Hiền nói tiếng Hàn giỏi quá.)**

Ở ví dụ (2), người nói có thể sử dụng (2a) trong cả hai trường hợp người nghe cảm thán về việc "Hiền nói tiếng Hàn giỏi" mà không quan trọng đến việc người nói có trực tiếp chứng kiến điều đó hay không. Tuy nhiên, nếu đặt trong tình huống người nói chỉ được nghe nhận xét đó từ một người khác và đưa ra nội dung cảm thán thì câu (2b) sẽ là một câu sai về mặt ngữ pháp khi -네(요) chỉ được dùng trong những trường hợp người nói cần trực tiếp chứng kiến điều đó mà không phải thông qua một người khác.

2.3.2. Sự khác biệt về khả năng biểu hiện thông tin suy luận

Theo Park Jae Yeon (1998), Chung Kyung-Sook (2012), tiêu chí để phân biệt đuôi -군(요) và -네(요) là dựa vào khả năng biểu hiện thông tin suy luận. Cụ thể, -군(요) được dùng trong trường hợp người nói sau khi tri giác về một điều gì đó mới mẻ thì có thể suy luận một nội dung khác từ chính điều mới mẻ đó. Ngược lại, -네(요) chỉ được sử dụng trong các trường hợp xác thực được tính chính xác của các nội dung suy luận. Ví dụ:

(3) Tình huống người nói đang ngồi trong nhà và nhìn thấy một ai đó đi vào khi trên tay đang cầm ô

a. 밖에 비가 **오군요**. *(Hoá ra ngoài trời đang mưa.)*

b. 밖에 비가 **오네요**. * *(Ồ, ngoài trời đang mưa.)*

Nếu các ví dụ trên đây không được đặt trong một tình huống cụ thể nào đó, thì cả hai đuôi kết thúc đều có thể sử dụng thay thế cho nhau, nhằm mục đích cảm thán về nội dung "ngoài trời đang mưa". Tuy nhiên, khi đưa chúng vào trong một tình huống cụ thể đó là người nói đang ngồi trong nhà và nhìn thấy một ai đó đi vào khi trên tay đang cầm ô thì người nói có thể đưa ra nội dung suy luận của mình về việc ngoài trời đang mưa bằng câu (3a). Ở trường hợp này, nếu sử dụng câu (3b) thì đó sẽ là một câu sai về mặt ngữ pháp, và chỉ được sử dụng nếu như sau khi suy luận nội dung đó, người nói đi ra ngoài và xác nhận được thông tin chính xác đó là ngoài trời đang mưa.

2.3.3. Sự khác biệt về tính cách thức (격식성)

(4)

a.

A: 안녕하십니까? 처음 뵙겠습니다. *(Xin chào. Rất vui được gặp bạn.)*

B: 네, 만나서 반갑습니다. *(Vâng, rất vui được gặp bạn.)*

A: 오늘 날씨가 **춥군요**. (Hôm nay thời tiết lạnh nhỉ.)

b.

A: 란 씨, 오늘 날씨가 **좋네요**. 같이 소풍을 갈래요?

(Lan ơi, hôm nay thời tiết thật đẹp. Đi cắm trại chứ?)

B: 네, 좋아요. *(Ừ, được thôi.)*

Theo Mi-ji Yi (2014), hai đuôi kết thúc -군(요) và -네(요) đều có khả năng sử dụng trong cả những trường hợp cách thức hoặc phi cách thức, theo đó, không thể nói -군(요) chỉ được dùng với thể cách thức và -네(요) chỉ được dùng với thể phi cách thức. Tuy nhiên, đuôi kết thúc -군(요) là biểu hiện có tính cách thức mạnh hơn do đó nó thường được sử dụng trong các bối cảnh đòi hỏi sự trang trọng và lịch sự như: bài phát biểu, thảo luận, thuyết giảng, cuộc họp…Ở ví dụ (4a), có thể dựa vào nội dung đoạn hội thoại và đuôi kết thúc mang tính cách thức ㅂ/습니다 để dự đoán đây là một cuộc hội thoại giữa hai nhân vật lần đầu tiên gặp nhau và đòi hỏi sự tính cách thức trong cách diễn đạt, theo đó, việc sử dụng đuôi kết thúc -군(요) cho nội dung cảm thán "hôm nay thời tiết lạnh" là hoàn toàn hợp lí với

bối cảnh này. Ngược lại, đuôi kết thúc -네(요) thường được nghe nhiều trong đời sống hàng ngày, do đó việc sử dụng '-네(요)' ở ví dụ (4b) sẽ mang lại cảm giác tự nhiên hơn.

2.3.4. Sự khác biệt về mức độ của ý đồ truyền đạt

Sự khác biệt của -군(요) và -네(요) còn được đề cập trong các nghiên cứu trước đó của Gu Hyun Jung (1995), Shin Seon Kyung (2001) ở tiêu chí liên quan đến mức độ của ý đồ truyền đạt. Cụ thể, -군(요) thường được sử dụng trong các trường hợp ý đồ muốn truyền đạt nội dung cảm thán của người nghe không mạnh, đặc biệt là ở những trường hợp người nói chỉ độc thoại mà không có ý định truyền tải nội dung đó cho người nghe. Ngược lại, khi người nói có ý định mạnh mẽ muốn truyền đạt một nội dung cảm thán nào đó đến người nghe, việc sử dụng '-네(요)' sẽ phù hợp hơn thay vì sử dụng '-군(요)'. Ví dụ:

(5) A: 내 한국어 책이 어디에 있는지 알아? *(Cậu có biết quyển sách tiếng Hàn của mình ở đâu không?)*

a. B: (책을 혼자 보고서) 여기 <u>있군</u>. *(Sau khi một mình nhìn thấy quyển sách) Hoá ra nó ở đây.*

b. B: (책을 기리키며 상대방에게 말하기) 여기 <u>있네</u>.

(Chỉ vào quyển sách và nói với đối phương) Quyển sách ở đây này.

Ở ví dụ (5), có thể thấy được sự khác biệt trong ý định muốn truyền đạt cho người nghe khi tình huống ban đầu đưa ra đó là người A hỏi người B có biết quyển sách tiếng Hàn ở đâu không. Ví dụ (5a) sử dụng đuôi kết thúc -군(요), bởi đó chỉ là một câu độc thoại với mức độ mong muốn truyền đạt nội dung cho đối phương tương đối thấp. Tuy nhiên ở ví dụ (5b), người B chỉ cho người A vị trí của quyển sách và truyền tải nội dung "sách ở đây" cho thấy người B có mong muốn rất rõ ràng và mạnh mẽ trong việc truyền đạt nội dung đó đến người A mà không phải chỉ là một câu độc thoại như ví dụ (5b).

3. Khảo sát tra mức độ hiểu biết về câu cảm thán của sinh viên việt nam

3.1. Đối tượng và nội dung khảo sát

Nhằm mục đích nắm bắt được mức độ hiểu biết về câu cảm thán tiếng Hàn của sinh viên Việt Nam, chúng tôi đã tiến hành khảo sát với số lượng là 103 sinh viên năm thứ hai - năm thứ tư 4 đang theo học tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN. Đây là đối tượng đang theo học trình độ Trung cấp trở lên, đã từng tiếp cận với câu cảm thán nói chung và đặc biệt là hai đuôi kết thúc -군(요) và - 네(요) nói riêng. Khảo sát gồm 3 phần lớn với tổng 14 câu hỏi với các mục đích điều tra được cụ thể hoá qua bảng sau:

Bảng 1. *Nội dung khảo sát*

Nội dung	Chi tiết	Số lượng câu hỏi
Thông tin cá nhân	1. Năm học 2. Năng lực tiếng Hàn	2 câu
Câu hỏi liên quan đến việc dạy-học về câu cảm thán tiếng Hàn	1. Tự đánh giá về mức độ hiểu biết câu cảm thán tiếng Hàn 2. Đánh giá về mức độ đề cập đến sự khác biệt của hai đuôi kết thúc '-군(요)' và '-네(요)'xuất hiện trong giáo trình 3. Đánh giá về mức độ giáo viên đề cập đề cập đến sự khác biệt của hai đuôi kết thúc '-군(요)' và '-네(요) trong giảng dạy	3 câu
Câu hỏi đánh giá mức độ hiểu biết về câu cảm thán tiếng Hàn	1. Đánh giá cơ bản về xu hướng sử dụng đuôi kết thúc cảm thán	1 câu
	[2-3] Đánh giá mức độ hiểu biết về sự khác biệt liên quan sự trực tiếp chứng kiến	2 câu
	[4-5] Đánh giá mức độ hiểu biết về sự khác biệt liên quan đến khả năng biểu hiện thông tin suy luận	2 câu
	[6-7] Đánh giá mức độ hiểu biết về sự khác biệt liên quan đến tính cách thức (격식성)	2 câu

	[8-9] Đánh giá mức độ hiểu biết về sự khác biệt liên quan mức độ của ý đồ truyền đạt	2 câu
Tổng		**14**

3.2. Kết quả khảo sát

3.2.1. Một số thông tin về đối tượng khảo sát

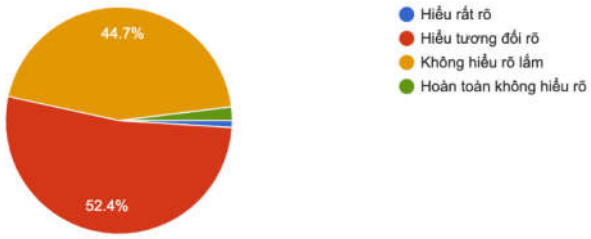
1) Đối tượng sinh viên tham gia khảo sát nói trên cụ thể như sau: Năm thứ hai: 21 SV (20,4%), Năm thứ ba: 68 SV (66%), Năm thứ tư: 14 (13,6%). Như vậy, trong số 103 người tham gia khảo sát, số lượng sinh viên năm 3 tham gia nhiều nhất với 68 sinh viên (chiếm 66%), năm 2 với 21 sinh viên (chiếm 20,4%) và thấp nhất là sinh viên năm 4 với 14 sinh viên (chiếm 13,6%).

2) Về năng lực tiếng Hàn của sinh viên (TOPIK): TOPIK ở cấp độ 1-2 là 01 SV (1%); TOPIK ở cấp độ 3-4 là 21 SV (20,41%); TOPIK ở cấp độ 5-6 là 25 SV (26,2%); số SV chưa dự thi TOPIK là: 54 (52,4%). Tuy nhiên, các đối tượng được lựa chọn làm khảo sát là SV năm thứ hai trở nên, tương đương với trình độ tiếng Hàn ở mức độ Trung cấp trở lên và đã từng tiếp cận với hai đuôi kết thúc -군(요) và -네(요).

3.2.2. Kết quả

(i) Đối với đuôi kết thúc là -군(요) và -네(요)

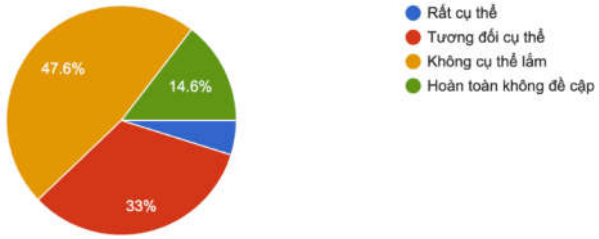
Câu 1. *Bạn có nghĩ rằng mình hiểu rõ về sự khác biệt của 2 đuôi kết thúc -군(요) và -네(요) không?*



Biểu đồ 1*. Biểu đồ tự đánh giá về mức độ hiểu biết đuôi kết thúc là -군(요) và -네(요)*

Kết quả cho thấy, số lượng trả lời rằng họ "hiểu tương đối rõ" về sự khác biệt của hai đuôi kết thúc chiếm tỉ lệ cao nhất là 52,4%, thứ hai là "không hiểu rõ lắm" chiếm 44,7%; có 2% sinh viên đánh giá họ "hoàn toàn không hiểu rõ" về sự khác biệt này; 1% còn lại tự đánh giá bản thân "hiểu rất rõ" về sự khác biệt của -군(요) và -네(요).

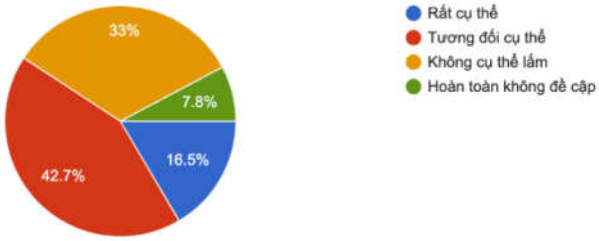
Câu 2. *Giáo trình bạn đã từng học đề cập ở mức độ như thế nào về sự khác biệt của 2 đuôi kết thúc -군(요) và -네(요)?*



Biểu đồ 2*. Đánh giá về mức độ đề cập đến sự khác biệt của hai đuôi kết thúc -군(요) và '-네(요)xuất hiện trong giáo trình*

Kết quả cho thấy, hơn một nửa số lượng tham gia khảo sát cho biết, giáo trình đề cập "không cụ thể lắm" hoặc "hoàn toàn không đề cập" đến sự khác biệt của hai đuôi kết thúc -군(요) và -네(요). Cụ thể, có tới 47,6% sinh viên trả lời rằng giáo trình đề cập "không cụ thể lắm", 14,6% cho rằng giáo trình "hoàn toàn không đề cập" đến sự khác biệt này. Chỉ có 33% đánh giá giáo trình đã đề cập "tương đối cụ thể", và số lượng rất ít (4,9%) sinh viên đánh giá giáo trình đã trình bày rất cụ thể về sự khác biệt của hai đuôi kết thúc nói trên.

Câu 3. *Trong quá trình học trên lớp, thầy/ cô có giảng dạy như thế nào về sự khác biệt của 2 đuôi kết thúc -군(요) và -네(요)*



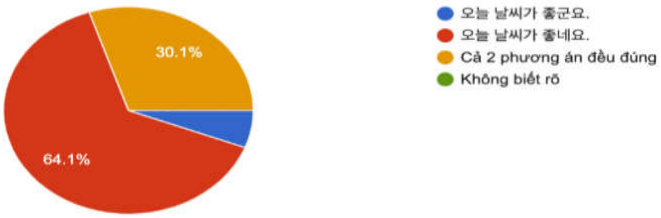
Biểu đồ 3*. Đánh giá về mức độ giáo viên đề cập đề cập đến sự khác biệt của hai đuôi kết thúc -군(요) và -네(요) trong giảng dạy*

Kết quả cho thấy, số lượng sinh viên đánh giá giáo viên đã trình bày "tương đối cụ thể" chiếm tỉ lệ cao nhất (42,7%), "rất cụ thể" chiếm tỉ lệ 16,5%, "không cụ thể lắm" chiếm tỉ lệ 33%) và 7,8% cho rằng, giáo viên hoàn toàn không đề cập đến.

(ii) Đối với câu cảm thán tiếng Hàn

Những câu hỏi đánh giá mức độ hiểu biết về câu cảm thán tiếng Hàn được chia ra làm hai hình thức bao gồm: đọc và chọn phương án đúng điền vào chỗ trống, đọc các tình huống và lựa chọn phương án trả lời phù hợp

Câu 1. 오늘 날씨가 좋다는 것에 감탄할 때어떻게 말해요? *(Khi cảm thán về việc thời tiết hôm nay đẹp, bạn sẽ nói thế nào?*



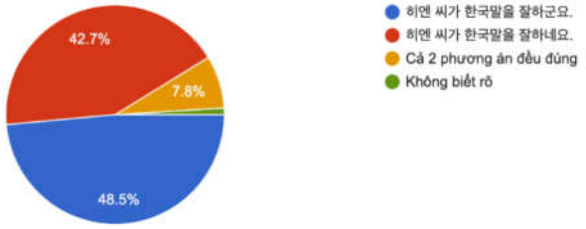
Biểu đồ 4*. Đánh giá cơ bản về xu hướng sử dụng đuôi kết thúc cảm thán*

Đáp án: cả hai đáp án đều đúng

Chỉ có 30,1% đưa ra được phương án trả lời "cả hai phương án đều đúng". Còn lại, sinh viên đều cho rằng, trường hợp này chỉ có thể sử dụng một trong hai đuôi kết thúc, trong đó xu hướng lựa chọn đuôi -네(요) vượt trội hơn hẳn (chiếm 64,1%), và tỉ lệ lựa chọn đuôi kết thúc -군요 rất thấp (chiếm 5,8%). Có thể giải thích rằng, -네(요) là đuôi câu thường được sử dụng trong đời sống hàng ngày hơn, nên được sinh viên sử dụng nhiều hơn so với -군요.

Câu 2. 다른 사람들로부터 히엔 씨가한국말을잘한다고 들었어요. 이 사실을 듣고 감탄할 때 어떻게 말해요?

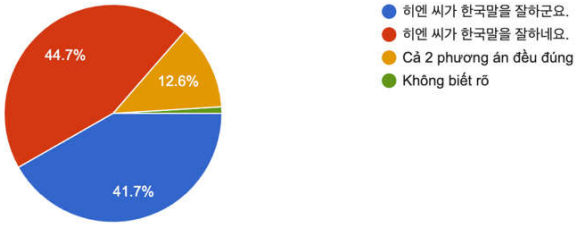
(Bạn nghe người khác nói rằng Hiền nói tiếng Hàn giỏi. Khi nghe được điều này, bạn cảm thán như thế nào?)



Đáp án: 히엔 씨가 한국말을 잘하군요.

Câu 3. 다른 사람들로부터 히엔 씨가 한국말을 잘하는 것을 들은 후에 이 사실을 직접 확인하게 되고 감탄할 때 어떻게 말해요?

(Sau khi nghe người khác nói rằng Hiền nói tiếng Hàn giỏi, bạn trực tiếp xác nhận được điều này, bạn cảm thán như thế nào?)



Đáp án: Cả 2 phương án đều đúng

Biểu đồ 5. *Đánh giá mức độ hiểu biết về sự khác biệt liên quan sự trực tiếp chứng kiến*

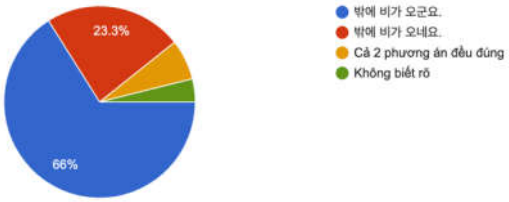
Cùng cảm thán về một nội dung, tuy nhiên ở hai câu hỏi có sự khác nhau liên quan đến việc người nói có trực tiếp chứng kiến sự việc đó hay không dẫn tới đáp án của hai câu hỏi có sự khác nhau.

Ở câu hỏi 2, người nói chỉ được nghe và cảm thán về một sự việc mà bản thân không trực tiếp chứng kiến, do đó phương án đúng là: "히엔 씨가 한국말을 잘하군요.". Tuy nhiên, trong câu hỏi này sinh viên lựa chọn đúng đáp án trên chỉ chiếm tỉ lệ 48,5%, sinh viên lựa chọn phương án sai "히엔 씨가 한국말을 잘하네요." với tỉ lệ không hề nhỏ với 42,7%. Thậm chí, có 7,8% sinh viên không phân biệt được sự khác biệt của hai đuôi kết thúc này khi đưa ra đáp án "Cả 2 phương án đều đúng" và có 1% sinh viên trả lời bản thân "không biết rõ" về câu trả lời.

Ở câu hỏi 3, người nói được nghe và trực tiếp xác nhận, chứng kiến sự việc đó là đúng, do đó khi cảm thán có thể sử dụng cả hai phương án "히엔 씨가 한국말을 잘하군요." và "히엔 씨가 한국말을 잘하네요." được đưa ra. Tuy nhiên, chỉ có 12,6% số người tham gia khảo sát đưa ra được phương án đúng, số còn lại hầu hết đều cho rằng trong trường hợp này chỉ có thể sử dụng một trong hai phương án được đưa ra và vẫn có 1% sinh viên trả lời bản thân "không biết rõ" về câu trả lời.

Câu 4. 오빠가 집에 왔을 때 우산을 드는 것을 보고 어떻게 말해요?

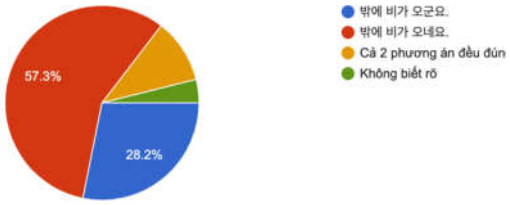
(Khi nhìn thấy anh trai trở về nhà và trên tay đang cầm ô, bạn sẽ nói như thế nào?)



Đáp án: 밖에 비가 오군요.

Câu 5. 오빠가 집에 왔을 때 우산을 드는 것을 보니까 밖에 비가 온다는 사실을 추론해요. 밖에 나가서 확인해 보니까 비가 진짜 오고 있어요. 이 사실에 감탄할 때 어떻게 말해요?

(Khi nhìn thấy anh trai trở về nhà và trên tay đang cầm ô, bạn đoán rằng ngoài trời đang mưa. Bạn ra ngoài và thấy đúng là trời đang mưa, bạn sẽ nói như thế nào?)



Đáp án: Cả 2 phương án đều đúng

Biểu đồ 6. *Đánh giá mức độ hiểu biết về sự khác biệt liên quan đến khả năng biểu hiện thông tin suy luận*

Kết quả biểu đồ 6 cho thấy, trong khi -군(요) được dùng để cảm thán về những nội dung người nói suy luận từ một sự việc khác nhưng không cần phải trực tiếp xác nhận lại tính xác thực của thông tin đó, còn -네(요) thì không thể. Với việc nhìn thấy anh trai đi về nhà và trên tay đang cầm ô, người nói biểu hiện sự suy luận bên ngoài trời chắc đang mưa mà không có sự xác thực tính chính xác của thông tin, do đó phương án "밖에 비가 오군요." là đáp án đúng cho câu hỏi 4. Trong câu hỏi này, có 66% sinh viên lựa chọn được phương án trả lời đúng, tuy nhiên vẫn còn 23,3% đưa ra phương án trả lời sai đó là "밖에 비가 오네요.", 6,8% ý kiến cho rằng "cả 2 phương án đều đúng".

Ở câu hỏi 5, người nói có xác thực mức độ chính xác của nội dung mà bản thân suy luận, do đó cả hai phương án "밖에 비가 오군요" và "밖에 비가 오네요" đều có thể sử dụng trong tình huống này. Tuy nhiên, chỉ có 10,7% đưa ra được phương án trả lời đúng đó là "cả 2 phương án đều đúng", phần lớn đối tượng tham gia khảo sát đều cho rằng chỉ được lựa chọn một trong hai phương án nêu trên mặc dù số lượng lựa chọn đuôi -네(요) đã có sự tăng lên so với tình huống ở câu hỏi 4 (từ 23,3% lên 57,3%). Ngoài ra, một số lượng nhỏ trả lời bản thân "không biết rõ" đáp án đúng ở câu hỏi này (chiếm 3,9%).

Câu 6. A: 안녕하십니까? 만나서 반갑습니다.

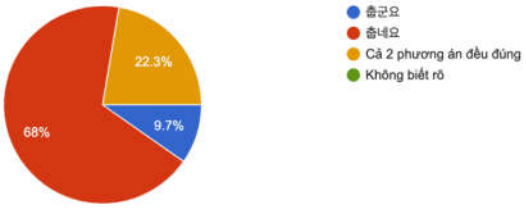
(Xin chào. Rất vui được gặp bạn.)

B: 네, 저도 반갑습니다.

(Vâng, tôi cũng rất vui được gặp bạn.)

A: 오늘 날씨가 좀 _____.

(Hôm nay thời tiết _____.)



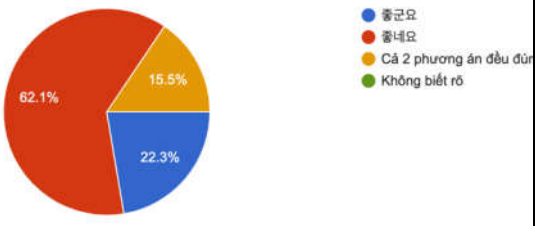
Đáp án: 춥군요.

Câu 7.

A: 화 씨, 오늘 날씨가 _____.

(Hoa ơi, hôm nay thời tiết _____.)

B: 그래요. 수업이 끝나서 같이 산책하러 갈까요? *(Đúng vậy. Sau khi tiết học kết thúc chúng mình cùng đi dạo nhé?)*



Đáp án: 좋네요.

Biểu đồ 7. *Đánh giá mức độ hiểu biết về sự khác biệt liên quan đến tính cách thức (격식성)*

Như đã nêu, -네(요) thường được dùng trong đời sống hàng ngày mang cảm giác thân mật giữa người nói vào người nghe, trong khi -군(요) lại thường được sử dụng với thể trang trọng, lịch sự. Cụ thể, câu 6 là lối diễn đạt trang trọng, lịch sự, do đó phương án trả lời đúng cho câu hỏi này là "춥군요.". Ngược lại, câu 7 có thể đoán biết được đâu là cuộc đối thoại giữa hai người bạn có sự ngang hàng, nên "좋네요." sẽ là phương án trả lời phù hợp. Tuy nhiên, khi so sánh hai biểu đồ trên, mặc dù có sự thay đổi về tỉ lệ của các phương án lựa chọn, nhưng sự thay đổi đó là không nhiều. Cả hai trường hợp đều có tỉ lệ sinh viên lựa chọn đuôi -네(요) cao hơn so với các phương án còn lại. Đặc biệt, câu 6 sử dụng đuôi câu ở thể trang trọng, lịch sự tuy nhiên có tới 68% sinh viên tham gia khảo sát lại lựa chọn đuôi -네(요) cho trường hợp này.

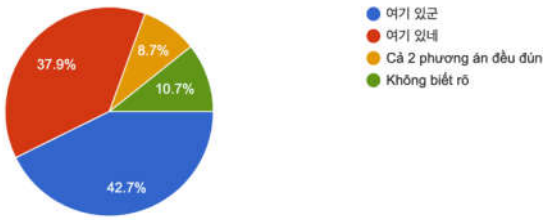
Câu 8.

A: 내 한국어 책이 어디에 있는지 알아?

(Bạn có biết sách tiếng Hàn của tôi ở đâu không?)

B: (책을 혼자 보고서) _____.

(Nhìn quyển sách một mình và nói) _____.



Đáp án: 여기 있군

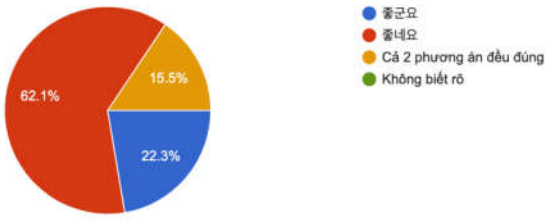
Câu 9.

A: 내 한국어 책이 어디에 있는지 알아?

(Bạn có biết sách tiếng Hàn của tôi ở đâu không?)

B: (책을 가리키며 A 에게 말하기) _____.

(Chỉ vào quyển sách và nói với A) _____.



Đáp án: 여기 있네

Biểu đồ 8. *Đánh giá mức độ hiểu biết về sự khác biệt liên quan mức độ của ý đồ truyền đạt*

Một trong những khác biệt giữa -군(요) và -네(요) là ý đồ muốn được truyền đạt nội dung mà người nói phát hiện ra cho đối phương có mức độ như thế nào. -군(요) thường được sử dụng trong các câu độc thoại của bản thân với ý nghĩa, còn -네(요) thường được sử dụng trong các trường hợp người nói có ý đồ truyền đạt nội dung mà mình phát hiện ra cho người nghe. Tuy nhiên, trong kết quả khảo sát của câu hỏi 8 với tình huống người nói tự độc thoại nội dung, cần phải lựa chọn phương án sử dụng đuôi -군(요). Chỉ có 42,7% sinh viên đưa ra được phương án trả lời đúng, 37,9% sinh viên lựa chọn đuôi -네(요) và 8,7% cho rằng có thể trả lời bằng cả hai cách nói trên; 10,7% sinh viên không đưa ra được phương án cho câu hỏi này.

Trong câu hỏi 9, với ý đồ muốn cho người nghe biết được thông tin mà người nói phát hiện ra, do đó cần sử dụng đuôi -네(요) trong tình huống này. Có 62,1% sinh viên đưa ra được phương án trả lời đúng, 22,3% sinh viên đưa ra phương án trả lời sai với việc sử dụng đuôi -군(요), và 15,5% còn lại cho rằng "Cả hai phương án đều đúng".

4. Một số đề xuất trong giảng dạy câu cảm thán tiếng hàn dành cho sinh viên Việt Nam

Trước khi đưa ra một số đề xuất trong giảng dạy câu cảm thán tiếng Hàn dành cho sinh viên Việt Nam, có thể rút ra kết luận sau khi tiến hành điều tra khảo sát như sau:

1) Giáo trình tiếng Hàn mà đối tượng khảo sát được tiếp cận đề cập không thực sự cụ thể về khác biệt giữa hai đuôi kết thúc -군(요) và -네(요). Đó có thể được xem như là một trong những nguyên nhân có thể gây ra sự khó khăn cho sinh viên trong quá trình phân biệt sự khác nhau của hai đuôi kết thúc này.

2) Vẫn có không ít ý kiến cho rằng giáo viên chưa thực sự đề cập một cách cụ thể đến sự khác biệt của hai đuôi kết thúc cảm thán tiêu biểu nói trên, điều đó được phản ánh thông qua kết quả có tới hơn 40% số sinh viên tham gia khảo sát cho biết giáo viên đề cập chưa cụ thể hoặc hoàn toàn không đề cập đến sự khác biệt này.

3) Thông qua phân tích kết quả khảo sát, có thể đánh giá sinh viên có mức độ hiểu biết không cao đối với sự khác biệt của hai đuôi kết thúc cảm thán này. Cụ thể, ở các tình huống được xây dựng nhằm kiểm tra mức độ hiểu biết của sinh viên, sinh viên đều có tỉ lệ lựa chọn phương án đúng cao hơn nhưng không vượt trội hoàn toàn so với tỉ lệ lựa chọn phương án sai, đặc biệt đối với sự khác biệt liên quan đến tính cách thức (격식성), tỉ lệ sinh viên đưa ra được phương án đúng thấp hơn so với phương án sai.

4) Mặc dù có rất nhiều tình huống có thể sử dụng được cả hai đuôi kết thúc, tuy nhiên số lượng sinh viên nhận thức được điều này đều không cao, và phần lớn sinh viên chỉ đưa ra một lựa chọn cho các tình huống được xây dựng.

Với kết quả khảo sát trên đây, tác giả xin được đưa ra một số đề xuất khi giảng dạy từ cảm thán tiếng Hàn như sau:

Thứ nhất, cần xây dựng tài liệu bổ trợ trình bày cụ thể sự khác biệt của hai đuôi kết thúc nói trên và các bài tập luyện tập có liên quan để sinh viên có thể nắm được cụ thể những sự khác biệt của hai đuôi câu này.

Thứ hai, giáo viên khi giảng dạy trên lớp, ngoài việc giảng dạy hai đuôi kết thúc trên một cách độc lập, cần có sự so sánh, đối chiếu nhằm cho thấy được những nét tương đồng và khác biệt trong cách sử dụng các đuôi kết thúc này.

Thứ ba, -군(요) và -네(요) được sử dụng thay thế cho nhau trong rất nhiều tình huống, và chúng chỉ thực sự khác biệt nếu được đặt trong các tình huống cụ thể. Do đó, trong quá trình giảng dạy hai đuôi kết thúc này, thay vì việc đề cập ý nghĩa của chúng, cần đưa ra các tình huống và phân tích để cho thấy rõ sự khác biệt của hai đuôi kết thúc này.

Thứ tư, bên cạnh việc đề cập đến những điểm khác biệt, '-군(요)' và '-네(요)' cũng có rất nhiều điểm tương đồng và được sử dụng thay thế nhau trong rất nhiều các trường hợp, do đó bên cạnh việc phân biệt những điểm khác nhau của hai đuôi kết thúc, giáo viên cũng cần đề cập cụ thể những trường hợp hai đuôi kết thúc này có thể sử dụng thay thế cho nhau.

5. Kết luận

Bài viết này đã đề cập đến cơ sở lí luận liên quan đến câu cảm thán tiếng Hàn nói chung và sự khác biệt của hai đuôi kết thúc -군(요) và -네(요). Bằng việc khảo sát mức độ hiểu biết về sự khác biệt của hai đuôi kết thúc này với đối tượng là 103 sinh viên từ năm 2 trở lên của Khoa Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN, bài viết đã đưa ra được những nhận xét về cách dạy cũng như cách hiểu biết của sinh viên đối với loại câu này, từ đó đưa ra những kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng dạy-học tiếng Hàn nói chung, câu cảm thán nói riêng.

This work was supported by the Core University Program for Korean Studies of the Ministry of Education of the Republic of Korea and Korean Studies Promotion Service at the Academy of Korean Studies (AKS-2019-OLU-2250003)/ Công trình này được tài trợ bởi Dự án trường đại học trọng điểm về Hàn Quốc học của Bộ Giáo dục và Dự án phát triển Hàn Quốc học thuộc Viện nghiên cứu Hàn Quốc học trung ương (AKS-2019-OLU-2250003).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chung Kyung-Sook (2012), 한국어 종결어미 '-네'와 단언화행. Ngôn ngữ học, Hội Ngôn ngữ học Hàn Quốc, 617-640.
2. Gu Hyeon Jung (1995), '-구-' 계열 어미와 확인법. Ngôn ngữ học, Hội Ngôn ngữ Hàn Quốc, 17, 25-45.
3. Lim Chae Hun (2008), '감각적 증거' 양태성과 한국어 어미 교육: '-네', '-더라', '-더니', '-길래' 등을 중심으로 . "Song ngữ học", Hội song ngữ học, 37, 199-234.
4. Mi-ji Yi (2015), 한국어 감탄 표현 교육 연구 "Giáo dục tiếng Hàn", Hội giáo dục tiếng Hàn Quốc tế, 25,3, 237-258.
5. Mi-ji Yi (2014), 한국어 교육을 위한 '-군(요)'와 '-네(요)'의 변별 연구. "Song ngữ học", Hội song ngữ học, 87-110.
6. Nam Ki Sim. Go Yung Geun (1985), *표준국어문법론*. Nhà xuất bản TOP.
7. No Dae Gyu (1997), *한국어의 감탄문*. Viện dữ liệu Quốc học.
8. Park Jae Yeon (1998), *현대국어 반말체 종결어미 연구*. Luận văn thạc sĩ.
9. Park Naree (2004), 한국어 교육문법에서의 종결어미 기술에 대한 한 제안: '-어', '-네', '-지', '-다', '-구나', '-단다'의 담화 화용적 의미를 중심으로. "Song ngữ học", Hội song ngữ học, 91-116.

Teaching-learning the Korean exclamatory sentences for Vietnamese students: case end with '-군요' and '-네요'

Abstract: When it comes to exclamation marks in Korean, it's impossible not to mention two concepts: exclamation words and exclamation sentences. Vietnamese learning Korean may not have much trouble understanding and using exclamation marks since Vietnamese also has exclamation words. Unlike Vietnamese, however, exclamation marks in exclamation sentences in Korean, in addition to using exclamation words, also consist of various endings such as: -군요, -네요 , -는데(요), -는걸(요), -어라. This makes it difficult for Vietnamese learning Korean to learn Korean exclamations and distinguish how these exclamations are used in the communication process. In addition, it can be said that the studies aimed at finding out the level of understanding of Korean exclamatory sentences among Vietnamese who are learning Korean are not much. It shows that teaching the exclamatory phrases in Korean classes for Vietnamese is also not a subject that gets enough attention. Based on the above fact, this article has examined the Vietnamese's understanding of exclamatory sentences in Korean. Specifically, the article examines the understanding of two very common exclamation endings in Korean, -군요 and -네요, by 103 second-year students from the Faculty of Korean Language and Culture, University Foreign Languages, VNU. From there, the article makes some suggestions for teaching Korean exclamation marks in general, particularly exclamation phrases ending in -군(요) and -네(요).

Key words: Korean empathy; exclamatory endings; Vietnamese college students; understanding level survey; Korean language education.